TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hóc Môn, ngày 23 tháng 9 năm 2022

Bản án số: 1351/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23/9/2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Thương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Quí.

2. Bà Lê Thị Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Tuyết Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 884/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 368/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 325/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/9/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lương H, sinh năm 1976.

Thường trú: 64/10L ấp B, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 21/3Y ấp X, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn N, sinh năm 1975.

Thường trú: 64/10L ấp B, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà H trình bày:

Bà H và ông N tự nguyện chung sống với nhau, đăng ký kết hôn năm 1999 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Trong quá trình chung sống giữa hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, các mâu thuẫn thường xuyên diễn ra và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do chồng thường xuyên gây nợ, không chăm lo cho gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chung sống không hạnh phúc, không vui vẻ. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 3/2021 đến nay. Hai bên đã cố gắng hòa giải, hàn gắn nhưng không thành. Vợ chồng không còn quan tâm, tôn trọng và yêu thương nhau nữa.

Nhận thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng khó hàn gắn, bản thân bà H không còn yêu thương, không còn muốn chung sống với ông N. Do đó, bà H yêu cầu ly hôn với ông N.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn M, sinh ngày 23/8/2000 và Nguyễn P, sinh ngày 08/7/2011. Con chung Nguyễn M đã trưởng thành, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn P, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay 02 con chung đang ở cùng bà H tại địa chỉ 21/3Y ấp X, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống hai vợ chồng có tài sản chung là nhà đất số 21/3Y ấp X, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích 30m^2 mua bằng giấy tay, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: Nợ em gái tên T, C số tiền 285.000.000 đồng để mua căn nhà nêu trên. Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Tôi tự nguyện chịu.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Hằng có đơn xin vắng mặt.

* Tại bản tự khai, các biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông N trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Ông và bà H tự nguyện chung sống với nhau, đăng ký kết hôn năm 1999 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Sau khi xây dựng gia đình, vợ chồng chung sống tại nhà riêng và rất hạnh phúc. Giữa hai vợ chồng từ trước tới nay không có mâu thuẫn gì. Theo ông nghĩ việc vợ nộp đơn yêu cầu ly hôn ra Tòa vì ông làm ăn thua lỗ, nợ nần và gia đình vợ tác động tới suy nghĩ của vợ. Do nợ nần nên ông có lánh nhà đi từ tháng 5 năm 2021 đến nay, dự định là trả hết nợ nần là về ở chung với gia đình. Tuy nhiên, dù không có ở nhà nhưng ông vẫn chăm lo cho vợ con. Vẫn chuyển tiền về cho con. Ông xác định vẫn còn rất yêu thương và tôn trọng vợ, không muốn con cái phải bơ vơ khi cha mẹ ly hôn nên nguyện vọng được đoàn tụ gia đình. Ông không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn M, sinh ngày 23/8/2000 và Nguyễn P, sinh ngày 08/7/2011. Con chung Nguyễn M đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu ly hôn, ông N đồng ý giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn P. Ông không cấp dưỡng nuôi con. Nếu khi nào bà H không nuôi được, ông sẽ nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng. Hai con chung hiện

nay đang ở cùng vợ tại 21/3Y ấp X, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống hai vợ chồng có tài sản chung là căn nhà số 21/3Y ấp X, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích 30m^2, nhờ em vợ đứng tên mua giùm. Nhà đất mua bằng giấy tờ tay, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Về tài sản chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Về nghĩa vụ dân sự chung (nợ chung): Hai bên tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà H chịu.

Bị đơn ông Nguyễn N đã được Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lương H khởi kiện ly hôn với ông Nguyễn N, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Ông Nguyễn N là bị đơn hiện đang cư trú tại xã B, huyện H nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà Lương H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Nguyễn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà Lương H và ông Nguyễn N tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 131/99, quyển số 0I ngày 22/10/1999 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo trình bày của nguyên đơn bà H thì trong quá trình chung sống, giữa hai bên có nhiều mâu thuẫn, ông N thường xuyên gây nợ, không chăm

lo cho gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chung sống không hạnh phúc, không vui vẻ, không tin tưởng nhau, hai bên đã sống ly thân từ tháng 3/2021 đến nay. Ông N trình bày việc vợ nộp đơn ly hôn ra Tòa án là do ông làm ăn thua lỗ, nợ nần và gia đình vợ tác động tới suy nghĩ của vợ. Do nợ nần nên ông có lánh nhà đi từ tháng 5 năm 2021 đến nay, dự định là trả hết nợ nần là về ở chung với gia đình. Tuy nhiên, dù không có ở nhà nhưng vẫn chăm lo cho vợ con. Vẫn chuyển tiền về cho con. Ông xác định vẫn còn rất yêu thương và tôn trọng vợ, không muốn các con phải bơ vơ khi cha mẹ ly hôn nên nguyện vọng được đoàn tụ gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần hòa giải để bà H và ông N có thể hàn gắn gia đình, hòa giải những mâu thuẫn giữa hai bên, cùng nhau tiếp tục chung sống vợ chồng. Tuy nhiên, bà H trình bày là không còn yêu thương, không thể tiếp tục chung sống cùng ông N, không thể đoàn tụ gia đình, bà H kiên quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông N. Xét thấy hôn nhân giữa bà H và ông N lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lương H là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà H và ông N có 02 con chung tên Nguyễn M, sinh ngày 23/8/2000 và Nguyễn P, sinh ngày 08/7/2011. Con chung Nguyễn M đã trưởng thành, bà H và ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với con chung Nguyễn P, bà H yêu cầu sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ P. Ông N trình bày nếu ly hôn, ông N đồng ý giao trẻ P cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Tại bản tự khai đề ngày 05/8/2022, trẻ P trình bày có nguyện vọng được ở cùng bà H nếu ba mẹ ly hôn. Do đó, để ổn định tâm sinh lý, đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung Nguyễn P cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và ông N trình bày không cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung (nợ chung): Các bên đương sự trình bày hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm : Án phí ly hôn do bà Lương H chịu theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lương H và ông Nguyễn N.

2. Về con chung: Con chung Nguyễn M, sinh ngày 23/8/2000 đã trưởng thành, bà H và ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, giao con chung tên Nguyễn P, sinh ngày 08/7/2011 cho bà Lương H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi trẻ P trưởng thành tròn 18 tuổi.

Bà H tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Hai bên tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do bà Lương H chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0039801 ngày 05/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS H. Hóc Môn;
- UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (Giấy chứng nhận kết hôn số 131/99, quyển số 0I ngày 22/10/1999);
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thương